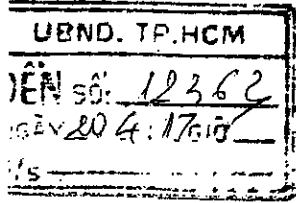


Số: 1348 /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản và muối; điều phối các hoạt động phát triển thị trường; đầu mối quản lý về chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản (sau đây gọi tắt là Cục) có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng:

a) Các dự thảo: luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ; văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các nghị quyết, cơ chế, chính sách, dự án, đề án theo phân công của Bộ trưởng;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hằng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, công trình thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ trưởng ban hành quyết định, chỉ thị, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về chuyên ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thông báo kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, đề án, dự án do Bộ quản lý cho địa phương, đơn vị sau khi được Bộ phê duyệt kế hoạch tổng thể về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và muối (sau đây gọi tắt là nông sản):

a) Tổng hợp trình Bộ trưởng cơ chế, chính sách phát triển chế biến, bảo quản; hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch nông sản; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp tham gia ý kiến, thẩm định về quy hoạch, chương trình, đề án, dự án về chế biến, bảo quản sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và chế biến, bảo quản nông sản nói chung thuộc phạm vi quản lý của Bộ; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Đầu mối tổng hợp báo cáo về tình hình chế biến, bảo quản nông sản thuộc nhiệm vụ quản lý của Bộ.

6. Về phát triển thị trường nông sản trong nước:

a) Trình Bộ trưởng cơ chế, chính sách, giải pháp, chương trình, đề án, dự án phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong nước; chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện;

b) Theo dõi, phân tích, dự báo và tổng hợp về tình hình thị trường, tiêu thụ hàng nông sản trong nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan điều hành cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu về nông sản;

d) Đầu mối phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Công Thương xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về thương mại, trao đổi hàng hóa qua biên giới, khu kinh tế cửa khẩu đối với hàng hóa nông sản.

7. Về phát triển thị trường nông sản quốc tế:

a) Tổng hợp, trình Bộ trưởng cơ chế, chính sách, biện pháp phát triển thị trường nông sản xuất khẩu; biện pháp phòng vệ, tự vệ, tháo gỡ rào cản và giải quyết các vướng mắc, tranh chấp thương mại nông sản; danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa cấm xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu thuộc nhiệm vụ quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật; lộ trình bắt buộc áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu;

b) Nghiên cứu, phân tích, dự báo và tổng hợp báo cáo về tình hình thị trường nông sản quốc tế theo ngành hàng và theo khu vực thị trường;

c) Điều phối các hoạt động phát triển thị trường nông sản liên quan đến nhiệm vụ của tổ chức quản lý nhà nước thuộc Bộ;

d) Cập nhật, cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp, người sản xuất về chính sách thị trường nông sản, rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật về xuất, nhập khẩu nông sản. Đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài tìm hiểu môi trường và cơ hội kinh doanh nông sản tại Việt Nam theo quy định;

đ) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án phát triển thị trường nông sản quốc tế; các chính sách, cam kết quốc tế về thương mại nông sản của Việt Nam; các biện pháp phòng vệ thương mại, tự vệ thương mại đối với hàng nông sản xuất, nhập khẩu thuộc nhiệm vụ quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong việc ứng phó với rào cản kỹ thuật; các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam; xử lý các tranh chấp thương mại nông sản quốc tế theo quy định;

g) Hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển thị trường; tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại quốc tế đối với các sản phẩm chủ lực, các thị trường trọng điểm về tiêu thụ nông sản;

h) Đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu, xuất xứ hàng hóa, thủ tục hải quan về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nông sản, chính sách về tạm nhập tái xuất,

tạm xuất tái nhập, quá cảnh hàng hóa, kho ngoại quan đối với hàng hóa nông sản.

8. Về xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông sản Việt Nam:

a) Tổng hợp trình Bộ trưởng về chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại nông sản; phối hợp với các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, chương trình thương hiệu quốc gia về nông sản thuộc nhiệm vụ quản lý của Bộ;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và phát triển thương hiệu hàng nông sản Việt Nam; hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu hàng nông sản Việt Nam.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại; chương trình thương hiệu quốc gia về nông sản theo quy định;

9. Đầu mối tham mưu, tổng hợp về phát triển nông nghiệp hữu cơ thuộc nhiệm vụ quản lý của Bộ.

10. Quản lý tổ chức và hoạt động của Văn phòng điểm hỏi đáp Quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Văn phòng SPS Việt Nam).

11. Thực hiện nhiệm vụ thành viên Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) theo phân công của Bộ trưởng.

12. Thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, chương trình, đề án về khoa học công nghệ, khuyến nông, môi trường theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

13. Đề xuất các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Cục; quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư do Bộ trưởng giao; tham gia thẩm định các chương trình, dự án đầu tư chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

14. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế và các chương trình, dự án quốc tế theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

16. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Bộ và quy định của pháp luật.

17. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách về cung ứng dịch vụ công; thực hiện xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí,

tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và các quy định về dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

18. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Cục; tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập Hội và Điều lệ Hội theo quy định.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động theo quy định. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Cục theo quy định.

20. Thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

21. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao; tổ chức quản lý việc thu, nộp, sử dụng phí, lệ phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục: có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

a) Cục trưởng có trách nhiệm: trình Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục, Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục (các tổ chức có tư cách pháp nhân); ban hành Quy chế làm việc của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức tham mưu trực thuộc Cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

b) Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

a) Văn phòng Cục;

b) Phòng Chế biến, bảo quản nông sản;

- c) Phòng Chính sách thương mại nông sản;
- d) Phòng Thị trường trong nước;
- đ) Phòng Phát triển thị trường thủy sản;
- e) Phòng Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi;
- g) Phòng Phát triển thị trường sản phẩm trồng trọt.

3. Chi cục trực thuộc:

a) Chi cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản Thành phố Hồ Chí Minh. Chi cục có con dấu, tài khoản riêng và kinh phí hoạt động theo quy định.

b) Các Chi cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản (05 Chi cục) đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức trên cơ sở đề xuất của Cục trưởng theo từng giai đoạn phát triển Cục.

Điều 4. Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp Quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật Việt Nam (Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Văn phòng SPS Việt Nam được thành lập tại Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ, đặt tại Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cục trưởng Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản có trách nhiệm xây dựng trình Bộ trưởng ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng SPS Việt Nam và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 667/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối; bãi bỏ các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận nguyên trạng nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, tài chính và các nguồn lực khác của Văn phòng SPS Việt Nam do Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế bàn giao;

b) Bàn giao nguyên trạng nhiệm vụ, tổ chức, nhân sự, hồ sơ, tài liệu, tài sản, tài chính, phương tiện và các nguồn lực khác của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị ngành nông nghiệp và các bộ phận quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn, cơ điện nông nghiệp, diêm nghiệp để Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tiếp nhận kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noinhận:

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục, VP Bộ, TTra Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB. NMP (120).



Nguyễn Xuân Cường

